

BÁO CÁO

Tình hình thực hiện công tác cải cách hành chính Quý I năm 2024

Kính gửi: Sở Nội vụ tỉnh Thừa Thiên Huế

Thực hiện Công văn số 188/SNV-CCHC ngày 24/02/2022 của Sở Nội vụ về việc hướng dẫn thực hiện chế độ báo cáo định kỳ cải cách hành chính (CCHC), UBND huyện báo cáo tình hình thực hiện công tác CCHC Quý I năm 2024 như sau:

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CCHC

1. Về kế hoạch CCHC

UBND huyện đã ban hành Kế hoạch số 282/KH-UBND ngày 28/12/2023 về CCHC gắn với chính quyền số, dịch vụ đô thị thông minh huyện Quảng Điền năm 2024. Tại kế hoạch UBND huyện xác định 32 nhiệm vụ trọng tâm trên các lĩnh vực của công tác CCHC, Quý I thực hiện 10 nhiệm vụ, các nhiệm vụ khác sẽ được thực hiện trong các quý còn lại của năm. Được sự quan tâm, chỉ đạo sâu sát của các cấp, sự chủ động tham mưu của các cơ quan, đơn vị, địa phương, UBND huyện đã triển khai thực hiện khá nghiêm túc và hoàn thành cơ bản những nhiệm vụ đã đề ra trong Quý I năm 2024.

2. Văn bản đã ban hành chỉ đạo, điều hành triển khai công tác CCHC

Năm 2024, UBND huyện tiếp tục xác định công tác CCHC gắn với chính quyền số, dịch vụ đô thị thông minh. Theo đó, ngay từ đầu năm UBND huyện đã ban hành văn bản chỉ đạo, điều hành trên các lĩnh vực công tác CCHC theo định hướng của tỉnh và đặc điểm cụ thể của địa phương để triển khai thực hiện.

Bên cạnh đó, UBND huyện đã tổ chức hội nghị triển khai kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2024, trong đó đã triển khai các văn bản chỉ đạo, điều hành trọng tâm trong công tác CCHC năm 2024; hội nghị chuyên đề tổng kết công tác CCHC năm 2023 và triển khai phương hướng nhiệm vụ năm 2024; ban hành Kế hoạch số 33/KH-UBND ngày 22/01/2024 về nâng cao chỉ số CCHC (PAR INDEX) và chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức (SIPAS) năm 2024 để có giải pháp khắc phục các tiêu chí mất điểm trong đánh giá, xếp loại công tác CCHC năm 2023, nâng cao chỉ số năm 2024 của huyện.

3. Về kiểm tra CCHC

UBND huyện đã ban hành Kế hoạch số 21/KH-UBND ngày 16/01/2024 về kiểm tra công tác CCHC, kiểm soát thủ tục hành chính và thực hiện ý kiến chỉ đạo

năm 2024, theo đó UBND huyện xác định trong năm 2024 sẽ tiến hành kiểm tra CCHC đối với 04 xã và 04 phòng chuyên môn cấp huyện. Đồng thời, cũng đã ban hành Kế hoạch số 22/KH-UBND ngày 16/01/2024 về việc kiểm tra kỷ luật, kỷ cương hành chính, văn hóa công sở năm 2024.

4. Về công tác tuyên truyền CCHC

- UBND huyện đã ban hành Kế hoạch số 291/KH-UBND ngày 29/12/2023 về tuyên truyền CCHC năm 2024, thường xuyên chỉ đạo Trung tâm Văn hóa - Thông tin và Thể thao huyện phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan và UBND các xã, thị trấn tổ chức tuyên truyền, phổ biến về chương trình CCHC nhằm nâng cao nhận thức về CCHC cho toàn thể cán bộ, công chức, viên chức và người dân về ý nghĩa, tầm quan trọng của công tác CCHC đối với sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; phát hiện, nhân rộng các gương tiêu biểu, cách làm hay trong triển khai thực hiện công tác CCHC. Trong Quý I/2024, đã tuyên truyền 24 tin, 08 bài trên hệ thống Đài truyền thanh huyện.

- Chỉ đạo Ban biên tập Trang thông tin điện tử huyện, Ban biên tập Trang thông tin các xã, thị trấn duy trì và nâng cao chất lượng các chuyên trang, chuyên mục CCHC. Trong Quý I, Trang thông tin điện tử huyện đã đăng tải 11 tin, bài tuyên truyền về CCHC. Đồng thời, tích cực sử dụng các kênh thông tin, truyền thông khác để tuyên truyền công tác CCHC.

5. Kết quả thực hiện nhiệm vụ được UBND tỉnh giao

Trong Quý I năm 2024, UBND tỉnh giao cho UBND huyện 52 ý kiến chỉ đạo, kết quả UBND huyện đã hoàn thành 44/52 ý kiến chỉ đạo đúng hạn, đạt tỷ lệ 84,6%.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CCHC QUÝ I NĂM 2024

1. Cải cách thể chế

- UBND huyện đã ban hành Kế hoạch số 264/KH-UBND ngày 08/12/2023 về rà soát văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL) trên địa bàn huyện Quảng Điền năm 2024. Công tác xây dựng và ban hành VBQPPL của HĐND, UBND huyện và các xã, thị trấn trên địa bàn được thực hiện chặt chẽ, đảm bảo đúng quy trình, thủ tục theo quy định của Luật ban hành VBQPPL ngày 22/6/2015, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành VBQPPL ngày 18/06/2020 và Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ. Trong Quý I năm 2024, HĐND huyện ban hành 01 VBQPPL, HĐND các xã, thị trấn ban hành 11 VBQPPL.

- Công tác kiểm tra, rà soát VBQPPL tiếp tục được triển khai thực hiện nghiêm túc theo đúng tinh thần Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ, UBND huyện đã ban hành Kế hoạch số 263/KH-UBND ngày 08/12/2023 về kiểm tra, xử lý VBQPPL trên địa bàn huyện Quảng Điền năm 2024.

Trong Quý I, đã chỉ đạo Phòng Tư pháp phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tiến hành rà soát, thẩm định các VBQPPL do HĐND huyện ban hành, theo đó đã rà soát 01 VBQPPL; qua rà soát cho thấy, các văn bản được ban hành đều đảm bảo theo đúng quy định. Đồng thời, ban hành Quyết định số 377/QĐ-UBND ngày 29/01/2024 về công bố kết quả rà soát, hệ thống hóa VBQPPL của HĐND, UBND huyện Quảng Điền năm 2023.

- Để theo dõi tình hình thi hành và tuyên truyền, phổ biến pháp luật tại địa phương, UBND huyện đã ban hành Kế hoạch số 239/KH-UBND ngày 29/12/2023 về theo dõi tình hình thi hành pháp luật trên địa bàn huyện năm 2024; Kế hoạch số 08/KH-UBND ngày 08/01/2024 về phổ biến, giáo dục pháp luật trên địa bàn huyện năm 2024.

2. Cải cách thủ tục hành chính (TTHC)

- UBND huyện đã ban hành Kế hoạch số 03/KH-UBND ngày 05/01/2024 về rà soát, đánh giá TTHC năm 2024 trên địa bàn huyện; Kế hoạch số 06/KH-UBND ngày 08/01/2024 về kiểm soát TTHC năm 2024 trên địa bàn huyện; Báo cáo số 69/BC-UBND ngày 23/02/2024 về thống kê danh mục TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết đưa vào tiếp nhận tại Trung tâm Hành chính công huyện, Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hiện đại cấp xã. Chỉ đạo Văn phòng HĐND và UBND huyện chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tiến hành rà soát danh mục TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết; chỉ đạo UBND các xã, thị trấn nghiêm túc tổ chức thực hiện các hoạt động rà soát, đơn giản hóa các TTHC.

- Chỉ đạo các xã, thị trấn, Ban biên tập Trang thông tin điện tử huyện niêm yết công khai các TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND tỉnh, UBND huyện, UBND xã trên Trang thông tin điện tử của địa phương, niêm yết tại nơi giải quyết TTHC; cập nhật, cấu hình điện tử các TTHC trên phần mềm Xử lý dịch vụ công tập trung; chỉ đạo đảm bảo 100% TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND huyện, UBND xã được tiếp nhận, xử lý, trả kết quả thông qua phần mềm Xử lý dịch vụ công tập trung; công khai đầy đủ các khoản phí, lệ phí theo quy định. Trong Quý I, Trung tâm Hành chính công huyện đã tiếp nhận 1635 hồ sơ, trong đó: giải quyết trước hạn, đúng hạn 1353/1348 hồ sơ (chiếm tỷ lệ 99,6%), 278 hồ sơ đang giải quyết trong hạn; 100% hồ sơ đã được số hóa đầu vào và đầu ra; Trung tâm Hành chính công huyện và Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hiện đại các xã, thị trấn đã thực hiện khá nghiêm túc việc khảo sát, lấy ý kiến mức độ hài lòng của người dân đối với việc giải quyết TTHC của cán bộ, công chức.

- Kịp thời củng cố, kiện toàn nhân sự, ban hành quy chế hoạt động của Trung tâm Hành chính công và Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả hiện đại cấp xã, từ đó đã đi vào hoạt động có nề nếp; đồng thời, từng bước trang cấp trang thiết bị đảm bảo

sử dụng các phần mềm dùng chung của tỉnh để giải quyết TTHC cho tổ chức, công dân đạt hiệu quả. Bên cạnh đó, chế độ chính sách của cán bộ, công chức, viên chức làm việc tại Trung tâm Hành chính công huyện và Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả hiện đại cấp xã đã được thực hiện đầy đủ theo Quyết định số 24/2017/QĐ-UBND ngày 04/5/2017 của UBND tỉnh.

- Tiếp tục chỉ đạo UBND các xã, thị trấn, Trung tâm Hành chính công huyện thực hiện tốt Nghị định số 20/2008/NĐ-CP ngày 14/2/2008 của Chính phủ về tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính và Quyết định số 43/2018/QĐ-UBND ngày 09/08/2018 của UBND tỉnh ban hành quy định về tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính thuộc phạm vi quản lý của UBND tỉnh và Chủ tịch UBND tỉnh, cụ thể: Trung tâm Hành chính công huyện và UBND các xã, thị trấn đã niêm yết công khai các thông tin về địa chỉ, email, số điện thoại của cơ quan tiếp nhận, xử lý phản ánh, khiếu nại trên Trang thông tin điện tử và nơi giải quyết TTHC để cá nhân, tổ chức kịp thời phản ánh, kiến nghị về quy định hành chính. Trong Quý I, UBND huyện không nhận được bất cứ phản ánh nào liên quan đến quy định hành chính.

3. Cải cách tổ chức bộ máy

- Trong Quý I năm 2024, UBND huyện đã quyết định thành lập, củng cố, kiện toàn 22 Ban chỉ đạo, Hội đồng, Đoàn để triển khai thực hiện các chức năng, nhiệm vụ chính trị tại địa phương.

- Quyết định, thông báo nghỉ hưu, giải quyết thôi việc đối với cán bộ, công chức, viên chức theo thẩm quyền đảm bảo các quy định.

- Tiếp tục triển khai thực hiện Đề án tinh giản biên chế theo Nghị định số 29/2023/NĐ-CP ngày 03/6/2023 của Chính phủ, trong Quý I năm 2024 đã tinh giản 01 viên chức sự nghiệp giáo dục.

- Tình hình quản lý, sử dụng biên chế công chức, viên chức đảm bảo theo chỉ tiêu biên chế được giao. Căn cứ Quyết định số 413/QĐ-UBND ngày 07/02/2024 của UBND tỉnh về giao biên chế công chức năm 2024, năm 2024 UBND huyện được giao 77 biên chế công chức (giảm 01 công chức so với năm 2023).

- Kết quả thực hiện các quy định về phân cấp quản lý nhà nước giữa cấp tỉnh cho cấp huyện đã được thực hiện tốt, đảm bảo theo quy định của pháp luật.

4. Cải cách công vụ

- Tiếp tục quan tâm đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn, ngay từ đầu năm, UBND huyện đã ban hành Kế hoạch số 20/KH-UBND ngày 15/01/2024 về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức năm 2024. Trong Quý I, UBND huyện đã cử 11 lượt cán bộ, công chức, viên chức tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng; trong đó: bồi dưỡng kỹ năng lãnh đạo cấp phòng 02;

quản lý nhà nước ngạch chuyên viên chính 04; quản lý nhà nước ngạch chuyên viên 03; nghiệp vụ tài chính 02. Phối hợp với Trường Chính trị Nguyễn Chí Thanh mở 01 lớp Trung cấp Chính trị cho 62 học viên là công chức, viên chức các cơ quan cấp huyện, các xã, thị trấn và đội ngũ giáo viên trong nguồn quy hoạch.

- Tiếp tục chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính, chấp hành nghiêm giờ giấc làm việc, văn hóa công sở, nâng cao chất lượng giải quyết công việc đúng tiến độ, đảm bảo chất lượng. Đã ban hành Kế hoạch số 22/KH-UBND ngày 16/01/2024 về việc kiểm tra kỷ luật, kỷ cương hành chính, văn hóa công sở năm 2024; Kế hoạch số 28/KH-UBND ngày 17/01/2024 về thực hiện Chỉ thị số 10/CT-TTg ngày 22/4/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường xử lý, ngăn chặn có hiệu quả tình trạng nhũng nhiễu, gây phiền hà cho người dân, doanh nghiệp trong giải quyết công việc; Công văn số 439/UBND ngày 20/02/2024 về đôn đốc, thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ sau kỳ nghỉ Tết Nguyên đán Giáp Thìn 2024.

- Trong Quý I, UBND huyện đã quyết định bổ nhiệm 06 công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý (bổ nhiệm mới 01, bổ nhiệm lại 04, điều động bổ nhiệm 01); phê chuẩn kết quả bầu bổ sung 02 Phó Chủ tịch UBND cấp xã.

- Tiếp tục thực hiện Kế hoạch số 240/KH-UBND ngày 02/11/2023 về triển khai thực hiện Quyết định số 899/QĐ-TTg ngày 31/7/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia về thu hút, trọng dụng nhân tài đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

5. Cải cách tài chính công

- Tiếp tục thực hiện các quy định về quản lý tài chính - ngân sách tại địa phương theo quy định. Đến nay tiến độ, thu ngân sách nhà nước của địa phương theo HĐND tỉnh giao được 23.150.000.000/242.650.000.000đ, đạt 9,54%.

- Kết quả thực hiện quy định về quản lý, sử dụng tài sản công: UBND huyện đã ban hành Chỉ thị 16/CT-UBND ngày 28/12/2023 về thực hiện đầu tư công năm 2024; Quyết định 2969/QĐ-UBND ngày 19/12/2023 về giao dự toán ngân sách nhà nước huyện năm 2024; Báo cáo số 30/BC-UBND ngày 24/01/2024 về kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2023; Quyết định 802/QĐ-UBND ngày 23/02/2024 về Quy định tổ chức thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2024 huyện Quảng Điền; Báo cáo số 76/BC-UBND ngày 27/02/2024 về tình hình quản lý, sử dụng tài sản công năm 2023 và những nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm trong công tác quản lý tài sản công năm 2024.

- Kết quả thực hiện cơ chế tự chủ tài chính, tự chịu trách nhiệm về sử dụng kinh phí: UBND huyện đã ban hành Quyết định 144/QĐ-UBND ngày 12/01/2024 về quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng kinh phí quản lý hành chính đối với cơ quan hành chính nhà nước năm 2024 theo Nghị định số

130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005; Quyết định số 145/QĐ-UBND ngày 12/01/2024 về giao quyền tự chủ tài chính cho các đơn vị sự nghiệp giai đoạn 2024 - 2025 theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ.

- UBND huyện đã ban hành Quyết định số 152/QĐ-UBND ngày 12/01/2024 về công bố công khai dự toán ngân sách nhà nước năm 2024 huyện Quảng Điền.

6. Xây dựng và phát triển Chính phủ điện tử, Chính quyền số

- Tiếp tục thực hiện Chương trình số 1354/CTr-UBND ngày 02/6/2022 về chương trình tổng thể CCHC gắn với chính quyền số, dịch vụ đô thị thông minh trên địa bàn huyện Quảng Điền giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030; Kế hoạch số 95/KH-UBND ngày 29/4/2022 về việc triển khai số hóa kết quả giải quyết TTHC đang còn hiệu lực thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND huyện giai đoạn 2022 - 2025; Kế hoạch số 279/KH-UBND ngày 27/12/2023 của UBND huyện về chuyển đổi số huyện Quảng Điền năm 2024; Chỉ thị số 15/CT-UBND ngày 28/12/2023 về đẩy mạnh CCHC gắn với chính quyền số, dịch vụ đô thị thông minh trên địa bàn huyện.

- Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương ban hành văn bản điện tử có chữ ký số thông qua Hệ thống quản lý văn bản và điều hành, liên thông 3 cấp (từ cấp xã đến cấp tỉnh) trong hoạt động quản lý nhà nước (trừ các văn bản Mật theo quy định).

- Tăng cường tiếp nhận và giải quyết hồ sơ TTHC cho tổ chức, công dân qua phần mềm Xử lý dịch vụ công tập trung bằng hình thức trực tuyến. Từ 15/12/2023 đến 10/12/2024, Trung tâm Hành chính công huyện đã tiếp nhận và giải quyết hồ sơ trực tuyến 759/1635 hồ sơ, đạt 46,4%.

- Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn ISO 9001:2015 đã được các cơ quan cấp huyện và UBND cấp xã áp dụng đồng bộ. Đồng thời, đã xây dựng Kế hoạch số 29/KH-UBND ngày 18/01/2024 về áp dụng Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 18091:2020 tại huyện Quảng Điền năm 2024.

- Phòng họp trực tuyến của UBND huyện được trang bị hệ thống màn hình Led, hệ thống camera và một số thiết bị phụ trợ khác cơ bản đảm bảo theo yêu cầu của tỉnh đề ra; 11 cơ quan chuyên môn trực thuộc UBND huyện và 11 xã, thị trấn đã được trang bị máy tính bảng để phục vụ họp trực tuyến, bên cạnh đó 11 xã, thị trấn đã bố trí phòng họp trực tuyến với các trang thiết bị đã được đầu tư như: màn hình tivi 55 in, thiết bị camera và một số thiết bị phụ trợ khác....

- Cơ sở vật chất, trang thiết bị tại Trung tâm Hành chính công huyện và Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả hiện đại cấp xã đã được đầu tư cơ bản đáp ứng nhu cầu tiếp nhận và trả kết quả TTHC gắn với công tác chuyển đổi số.

- Đối với hạ tầng phục vụ công tác đảm bảo an toàn, an ninh thông tin: 100% cơ quan, đơn vị, địa phương đã bố trí máy vi tính để lưu trữ, soạn thảo các văn bản bí mật Nhà nước; tỷ lệ máy vi tính có cài đặt các phần mềm diệt virus Bkav có bản quyền đạt 100%, các cơ quan đã dùng các thiết bị lưu trữ bên ngoài

như: ổ cứng di động, USB... để thực hiện công tác sao lưu dữ liệu định kỳ, nhằm đảm bảo dữ liệu được lưu trữ an toàn.

- Tiếp tục vận hành hoạt động có hiệu quả Mô hình “Trung tâm giám sát, điều hành thông minh huyện”. Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương triển khai thực hiện và hướng dẫn Nhân dân cài đặt các ứng dụng như ví điện tử trên Hue-S, VNeID, tạo tài khoản dịch vụ công, Bác sỹ cho mọi nhà, Báo cháy 114, phần mềm thanh toán không dùng tiền mặt... để góp phần xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Mặt tích cực

- Các văn bản triển khai thực hiện phục vụ công tác chỉ đạo điều hành trên các lĩnh vực công tác CCHC năm 2024 đã được các phòng ban chuyên môn chủ động tham mưu UBND huyện ban hành cơ bản đầy đủ và kịp thời theo quy định. Đồng thời, được ký số và ban hành luân chuyển trên môi trường mạng.

- Công tác tuyên truyền về CCHC ngày càng phong phú, đa dạng và đi vào chiều sâu góp phần nâng cao nhận thức của người dân về CCHC. Từ đó, tỷ lệ người dân giải quyết hồ sơ TTHC trực tuyến ở các cấp ngày càng tăng.

- Kịp thời xây dựng Kế hoạch về nâng cao chỉ số CCHC (PAR INDEX) và chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức (SIPAS) năm 2024 để có giải pháp khắc phục các tiêu chí mất điểm trong đánh giá, xếp loại công tác CCHC năm 2023, góp phần nâng cao chỉ số năm 2024 của huyện.

2. Hạn chế, khuyết điểm và nguyên nhân

2.1. Hạn chế, khuyết điểm

- Lãnh đạo một số cơ quan, đơn vị, địa phương có lúc còn chưa quan tâm đúng mức đối với công tác CCHC.

- Tiến độ thực hiện các ý kiến chỉ đạo do UBND tỉnh giao vẫn còn tình trạng trễ hạn.

- Cơ sở vật chất phục vụ cho công tác CCHC, công tác chuyển đổi số đã được quan tâm đầu tư tuy nhiên vẫn chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ đặt ra.

2.2. Nguyên nhân

- Nhận thức của một bộ phận cán bộ, công chức, viên chức về CCHC chưa thật sự đầy đủ.

- Công tác tham mưu và phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị, địa phương có lúc thiếu kịp thời, thiếu chặt chẽ.

- Nguồn lực của địa phương còn khó khăn nên ngân sách phân bổ hàng năm cho các cơ quan, đơn vị, địa phương trong việc trang cấp trang thiết bị phục vụ công tác CCHC, công tác chuyển đổi số vẫn còn hạn chế.

IV. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ QUÝ II NĂM 2024

1. Tiếp tục thực hiện các giải pháp đồng bộ để hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ đã đề ra tại kế hoạch CCHC năm 2024. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền về CCHC, nâng cao ý thức trách nhiệm, thái độ ứng xử của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn; tiếp tục hướng dẫn người dân thực hiện giải quyết hồ sơ TTHC bằng hình thức trực tuyến.

2. Thực hiện tuyên truyền phổ biến, giáo dục pháp luật và theo dõi tình hình thi hành pháp trên địa bàn theo kế hoạch đề ra.

3. Tiếp tục thực hiện tốt việc giải quyết TTHC theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông theo Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC và Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 61/2018/NĐ-CP. Thực hiện nghiêm túc trách nhiệm công khai xin lỗi người dân, tổ chức khi để xảy ra trễ hẹn trong giải quyết hồ sơ TTHC và khảo sát mức độ hài lòng của người dân theo Quyết định số 2709/QĐ-UBND ngày 17/11/2017 của UBND tỉnh ban hành quy định khảo sát lấy ý kiến mức độ hài lòng trong giải quyết TTHC ở các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh.

4. Tiếp tục thực hiện tốt việc quản lý, sử dụng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trên địa bàn. Kịp thời phân bổ biên chế hành chính cho các cơ quan chuyên môn, UBND các xã, thị trấn và phân bổ số lượng người làm việc cho các đơn vị sự nghiệp trực thuộc. Rà soát, sắp xếp, tinh gọn bộ máy và kiện toàn tổ chức của các cơ quan hành chính, các đơn vị sự nghiệp theo quy định tại Nghị quyết số 18-NQ/TW, ngày 25/10/2017 và Nghị quyết số 19-NQ/TW, ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng. Đẩy mạnh việc thực hiện tinh giản theo Nghị quyết số 39-NQ/TW, ngày 17/4/2015 của Bộ Chính trị.

5. Xây dựng hoàn thiện Đề án vị trí việc làm theo Nghị định số 62/2020/NĐ-CP ngày 01/6/2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và biên chế công chức và Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10/9/2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập trình UBND tỉnh phê duyệt đảm bảo theo yêu cầu.

6. Tiếp tục tăng cường kiểm tra việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính, văn hoá công sở nhằm kịp thời phát hiện, chấn chỉnh, xử lý các trường hợp vi phạm góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động của bộ máy chính quyền các cấp.

7. Thực hiện các giải pháp để thực hiện thu ngân sách địa phương đảm bảo theo kế hoạch HĐND tỉnh giao và giải ngân vốn đầu tư công đảm bảo đúng tiến độ; quyết toán ngân sách trên địa bàn theo quy định. Có giải pháp để kêu gọi thu hút đầu tư trên địa bàn huyện được hiệu quả.

8. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, điều hành, khai thác sử dụng có hiệu quả các phần mềm dùng chung của UBND tỉnh; thực hiện có

hiệu quả hoạt động của Trung tâm Giám sát, điều hành thông minh huyện nhằm góp phần xây dựng chính quyền điện tử, chính quyền số.

V. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

1. Đề nghị Sở Nội vụ tham mưu UBND tỉnh tiếp tục quan tâm hỗ trợ kinh phí để UBND cấp xã nâng cấp trang thiết bị tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả hiện đại nói riêng và phục vụ công tác CCHC nói chung.

2. Hàng năm công tác điều tra khảo sát mức độ hài lòng của người dân đối với việc giải quyết TTHC của cơ quan hành chính nhà nước để xác định chỉ số CCHC với mốc thời gian giao dịch trong năm. Do đó, đề nghị Sở Nội vụ sớm hướng dẫn, triển khai công tác điều tra khảo sát mức độ hài lòng của người dân qua ứng dụng Hue-S để cấp huyện và cấp xã thuận lợi trong quá trình thực hiện, đảm bảo yêu cầu.

Trên đây là Báo cáo công tác cải cách hành chính Quý I và phương hướng, nhiệm vụ Quý II năm 2024 của UBND huyện Quảng Điền./.

Nơi nhận:

- Sở Nội vụ;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND huyện;
- Các cơ quan, ban ngành cấp huyện;
- UBND các xã, thị trấn;
- Lưu: VT, NV.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Lê Ngọc Bảo

DANH SÁCH CÁC PHỤ LỤC

(Ban hành kèm theo Báo cáo số: /BC-UBND ngày /3/2024 của UBND huyện Quảng Điền)

Phụ lục 2

BIỂU MẪU THÔNG KÊ SỐ LIỆU BÁO CÁO CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
	(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Số văn bản chỉ đạo CCHC đã ban hành (Kết luận, chỉ thị, công văn chỉ đạo, quán triệt)	Văn bản	03	
2.	Tỷ lệ hoàn thành Kế hoạch CCHC năm (Lũy kế đến thời điểm báo cáo)	%	30	
2.1	Số nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch	Nhiệm vụ	32	
2.2	Số nhiệm vụ đã hoàn thành	Nhiệm vụ	10	
3.	Kiểm tra CCHC			
3.1	Số phòng đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị	0	
3.2	Số UBND cấp xã đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị	0	
3.3	Tỷ lệ xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra	%	0	
3.3.1	Số vấn đề phát hiện qua kiểm tra	Vấn đề	0	
3.3.2	Số vấn đề phát hiện đã xử lý xong	Vấn đề	0	
4	Thực hiện nhiệm vụ UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao			
4.1	Tổng số nhiệm vụ được giao	Nhiệm vụ	52	Số nhiệm vụ chờ xác nhận: 02
4.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn	Nhiệm vụ	44	
4.3	Số nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng quá hạn	Nhiệm vụ	06	
4.4	Số nhiệm vụ quá hạn nhưng chưa hoàn thành	Nhiệm vụ	02	

5	Thực hiện nhiệm vụ UBND huyện, Chủ tịch UBND huyện giao			
5.1	Tổng số nhiệm vụ được giao	Nhiệm vụ		
5.2	Số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn	Nhiệm vụ		
5.3	Số nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng quá hạn	Nhiệm vụ		
5.4	Số nhiệm vụ quá hạn nhưng chưa hoàn thành	Nhiệm vụ		
6	Khảo sát sự hài lòng của người dân, tổ chức	Có = 1; Không = 0	1	
6.1	Số lượng phiếu khảo sát	Số lượng	872	
6.2	Hình thức khảo sát	Trực tuyến = 0 Phát phiếu = 1 Kết hợp = 2	2	
7	Tổ chức đối thoại của lãnh đạo với người dân, cộng đồng doanh nghiệp	Không = 0 Có = 1	1	

Phụ lục 3

BIỂU MẪU THÔNG KÊ SỐ LIỆU BÁO CÁO CẢI CÁCH THỂ CHẾ

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
	<i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Tổng số VBQPPL do địa phương ban hành	Văn bản	12	
1.1.	Số VBQPPL do cấp huyện ban hành	Văn bản	01	
1.2.	Số VBQPPL do cấp xã ban hành	Văn bản	11	
2.	Kiểm tra, xử lý VBQPPL		11	
2.1.	Số VBQPPL đã kiểm tra theo thẩm quyền	Văn bản	11	
2.2.	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau kiểm tra	%	0	
2.2.1.	<i>Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau kiểm tra</i>	<i>Văn bản</i>	0	
2.2.2.	<i>Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong</i>	<i>Văn bản</i>	0	
3.	Rà soát VBQPPL		12	
3.1.	Số VBQPPL đã rà soát thuộc thẩm quyền	Văn bản	12	
3.2.	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau rà soát	%	0	
3.2.1.	<i>Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau rà soát</i>	<i>Văn bản</i>	0	
3.2.2.	<i>Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong</i>	<i>Văn bản</i>	0	

Phụ lục 4

BIỂU MẪU THỐNG KÊ SỐ LIỆU BÁO CÁO CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
	<i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Thống kê TTHC			
1.1.	Số TTHC đã được phê duyệt phương án đơn giản hóa	Thủ tục		
1.2.	Số TTHC công bố mới	Thủ tục		
1.3.	Số TTHC bãi bỏ, thay thế	Thủ tục		
1.4.	Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết tại địa phương	Thủ tục	516	
1.4.1.	<i>Số TTHC cấp tỉnh (Bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)</i>	<i>Thủ tục</i>		
1.4.2.	<i>Số TTHC cấp huyện (Bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)</i>	<i>Thủ tục</i>	376	
1.4.3.	<i>Số TTHC cấp xã (Bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)</i>	<i>Thủ tục</i>	140	
2.	Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông			
2.1.	Số TTHC liên thông cùng cấp	Thủ tục	189	
2.2.	Số TTHC liên thông giữa các cấp chính quyền	Thủ tục	76	Cấp huyện: 55 Cấp xã: 21
2.3.	Số TTHC đã thực hiện tiếp nhận và giải quyết hồ sơ không phụ thuộc vào địa giới hành chính	Thủ tục	0	
3.	Kết quả giải quyết TTHC			
3.1.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do các sở, ngành tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%		
3.1.1.	<i>Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong</i>	<i>Hồ sơ</i>		
3.1.2.	<i>Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn</i>	<i>Hồ sơ</i>		
3.2.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp huyện tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	99,6	
3.2.1.	<i>Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong</i>	<i>Hồ sơ</i>	1353	

3.2.2.	<i>Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn</i>	<i>Hồ sơ</i>	1348	
3.3.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp xã tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	99,5	
3.3.1.	<i>Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong</i>	<i>Hồ sơ</i>	2573	
3.3.2.	<i>Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn</i>	<i>Hồ sơ</i>	2561	
3.4.	Tỷ lệ giải quyết phản ánh, kiến nghị (PAKN) về quy định TTHC	%		
3.4.1.	<i>Tổng số PAKN đã tiếp nhận (trực tiếp hoặc do cơ quan có thẩm quyền chuyển đến)</i>	<i>PAKN</i>	0	
3.4.2.	<i>Số PAKN đã giải quyết xong</i>	<i>PAKN</i>		

Phụ lục 5

BIỂU MẪU THỐNG KÊ SỐ LIỆU BÁO CÁO CẢI CÁCH TỔ CHỨC BỘ MÁY

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
	<i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy			
1.1.	Tỷ lệ sở, ngành đã hoàn thành việc sắp xếp các phòng chuyên môn đáp ứng các tiêu chí theo quy định của Chính phủ	%		
1.2.	Tỷ lệ UBND cấp huyện đã hoàn thành việc sắp xếp các phòng chuyên môn đáp ứng các tiêu chí theo quy định của Chính phủ	%	100	11/11 phòng
1.3.	Số lượng các ban quản lý trực thuộc UBND cấp tỉnh	Ban		
1.4.	Số tổ chức liên ngành do cấp tỉnh thành lập	Tổ chức		
1.5.	Tổng số đơn vị sự nghiệp công lập (ĐVSNCL) tại địa phương	Cơ quan, đơn vị	50	
1.5.1.	Số ĐVSNCL thuộc UBND tỉnh	Cơ quan, đơn vị		
1.5.2.	Số ĐVSNCL thuộc sở, ngành và tương đương	Cơ quan, đơn vị		
1.5.3.	Số ĐVSNCL thuộc UBND cấp huyện	Cơ quan, đơn vị	50	
1.5.4.	Tỷ lệ ĐVSNCL đã cắt giảm so với năm 2015	%	10	Năm 2015: 55
2.	Số liệu về biên chế công chức			
2.1.	Tổng số biên chế được giao trong năm	Người	77	
2.2.	Tổng số biên chế có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	75	
2.3.	Số hợp đồng lao động làm việc tại các cơ quan, tổ chức hành chính	Người	05	
2.4.	Số biên chế đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	00	
2.5.	Tỷ lệ phần trăm biên chế đã tinh giản so với năm 2015	%	10,5	Năm 2015: 86 Năm 2024: 77

3.	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị sự nghiệp công lập			Năm 2024 UBND tỉnh chưa giao
3.1.	Tổng số người làm việc được giao	Người	1494	Năm 2023
3.2.	Tổng số người làm việc có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	1431	Năm 2023
3.3.	Số người đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	01	
3.4.	Tỷ lệ % đã tinh giản so với năm 2015	%	4,72	Năm 2015: 1568

Phụ lục 6

BIỂU MẪU THÔNG KÊ SỐ LIỆU BÁO CÁO CẢI CÁCH CHẾ ĐỘ CÔNG VỤ

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
	<i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Vị trí việc làm của công chức, viên chức			
1.1.	Số cơ quan, tổ chức hành chính đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị	11	Đang xây dựng
1.2.	Số đơn vị sự nghiệp đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị	50	Đang xây dựng
1.3.	Số cơ quan, tổ chức có vi phạm trong thực hiện vị trí việc làm phát hiện qua thanh tra	Cơ quan, đơn vị	00	
2.	Tuyển dụng công chức, viên chức			
2.1.	Số công chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển)	Người	00	
2.2.	Số công chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt	Người	00	
2.3.	Số cán bộ, công chức cấp xã được xét chuyển thành công chức cấp huyện trở lên	Người	00	
2.4.	Số viên chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển)	Người	00	SNGD
2.5.	Số viên chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt	Người	00	
3.	Số lượng lãnh đạo quản lý được tuyển chọn, bổ nhiệm thông qua thi tuyển (Lũy kế từ đầu năm)	Người	00	
4.	Số lượng cán bộ, công chức, viên chức bị kỷ luật (cả về Đảng và chính quyền)		00	
4.1.	Số lãnh đạo cấp tỉnh bị kỷ luật	Người		
4.2.	Số lãnh đạo cấp sở, ngành và UBND cấp huyện bị kỷ luật	Người	00	
4.3.	Số lãnh đạo cấp phòng thuộc sở, ngành và UBND cấp huyện bị kỷ luật	Người	00	
4.4.	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị SNCL bị kỷ luật	Người	00	

Phụ lục 7

BIỂU MẪU THỐNG KÊ SỐ LIỆU BÁO CÁO CẢI CÁCH TÀI CHÍNH CÔNG

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
	(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Tỷ lệ thực hiện Kế hoạch giải ngân vốn đầu tư công	%	0	
1.1.	Kế hoạch được giao	Triệu đồng	89.563	
1.2.	Đã thực hiện	Triệu đồng	0	
2.	Thực hiện tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp (ĐVSN) tại địa phương (lũy kế đến thời điểm báo cáo)			
2.1.	Tổng số ĐVSN công lập tại địa phương	Đơn vị	50	
2.2.	Số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư	Đơn vị	01	
2.3.	Số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị		
2.4.	Số ĐVSN tự bảo đảm một phần chi thường xuyên	Đơn vị		
2.4.1.	Số ĐVSN tự bảo đảm từ 70% - dưới 100% chi thường xuyên	Đơn vị		
2.4.2.	Số ĐVSN tự bảo đảm từ 30% - dưới 70% chi thường xuyên	Đơn vị		
2.4.3.	Số ĐVSN tự bảo đảm từ 10% - dưới 30% chi thường xuyên	Đơn vị		
2.5.	Số ĐVSN do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị	49	
2.6.	Số lượng ĐVSN đã chuyển đổi thành công ty cổ phần (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Đơn vị	0	

Phụ lục 8

**BIỂU MẪU THỐNG KÊ SỐ LIỆU BÁO CÁO XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN
CHÍNH QUYỀN ĐIỆN TỬ, CHÍNH QUYỀN SỐ**

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
	<i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Cập nhật Kiến trúc chính quyền điện tử phiên bản mới nhất	Chưa = 0 Hoàn thành = 1	0	
2.	Xây dựng và vận hành Hệ thống hợp trực tuyến <i>Liên thông 2 cấp: Từ UBND tỉnh - 100% UBND các huyện</i> <i>Liên thông 3 cấp: Từ UBND tỉnh - 100% UBND cấp huyện, cấp xã</i>	Chưa có = 0 2 cấp = 1 3 cấp = 2	2	
3.	Tỷ lệ báo cáo định kỳ được gửi, nhận qua Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia	%	100	
4.	Triển khai xây dựng nền tảng chia sẻ, tích hợp dùng chung (LGSP)	Chưa = 0 Đang làm = 1 Hoàn thành = 2	0	
5.	Số liệu về trao đổi văn bản điện tử			
5.1.	Thực hiện kết nối, liên thông các Hệ thống quản lý văn bản điều hành từ cấp tỉnh đến cấp xã			
5.1.1.	<i>Tỷ lệ sở, ngành đã kết nối, liên thông với UBND tỉnh</i>	%		
5.1.2.	<i>Tỷ lệ UBND cấp huyện đã kết nối, liên thông với UBND tỉnh</i>	%	100	
5.1.3.	<i>Tỷ lệ UBND cấp xã đã kết nối, liên thông với UBND huyện.</i>	%	100	
5.2.	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của địa phương <i>(Chỉ thống kê tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử; sử dụng chữ ký số, chứng thư số và gửi trên môi trường điện tử).</i>	%	100	
5.2.1.	<i>Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của các sở, ban, ngành cấp tỉnh</i>	%		
5.2.2.	<i>Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của UBND cấp huyện</i>	%	100	

5.2.3.	<i>Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của UBND cấp xã</i>	%	100	
5.3.	Xây dựng, vận hành Hệ thống thông tin một cửa điện tử tập trung của tỉnh			
5.3.1.	<i>Tỷ lệ sở, ngành đã kết nối liên thông với Hệ thống</i>	%		
5.3.2.	<i>Tỷ lệ đơn vị cấp huyện đã kết nối liên thông với Hệ thống</i>	%	100	
5.3.3.	<i>Tỷ lệ đơn vị cấp xã đã kết nối liên thông với Hệ thống</i>	%	100	
6.	Cung cấp dịch vụ công trực tuyến			
6.1.	Tỷ lệ TTHC đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến mức độ 3	%	100	
6.1.1.	<i>Tổng số TTHC đủ điều kiện cung cấp trực tuyến mức độ 3</i>	<i>Thủ tục</i>	376	
6.1.2.	<i>Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3</i>	<i>Thủ tục</i>	376	
6.1.3.	<i>Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3 có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến</i>	<i>Thủ tục</i>	48	
6.2.	Tỷ lệ TTHC đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến mức độ 4	%	100	
6.2.1.	<i>Tổng số TTHC đủ điều kiện cung cấp trực tuyến mức độ 4</i>	<i>Thủ tục</i>	295	
6.2.2.	<i>Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 4</i>	<i>Thủ tục</i>	295	
6.2.3.	<i>Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 4 có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến</i>	<i>Thủ tục</i>	37	
6.3.	Tỷ lệ TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 đã tích hợp, công khai trên Cổng DVC quốc gia	%	100	
6.3.1.	<i>Tổng số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 của địa phương</i>	<i>Thủ tục</i>	516	
6.3.2.	<i>Số TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 đã tích hợp, công khai trên Cổng DVC quốc gia</i>	<i>Thủ tục</i>	516	
6.4.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được tiếp nhận trực tuyến mức độ 3 và 4 (Chỉ thống kê đối với các TTHC mức độ 3 và 4 có phát sinh hồ sơ)	%	46,4	
6.4.1.	<i>Tổng số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận (cả trực tiếp và trực tuyến)</i>	<i>Hồ sơ</i>	1558	Tại Trung tâm HCC

6.4.2.	<i>Số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận trực tuyến</i>	<i>Hồ sơ</i>	732	Tại Trung tâm HCC
6.5.	Tỷ lệ TTHC được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến	%	100	
6.5.1.	<i>Tổng số TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính (tất cả các TTHC có phát sinh phí, lệ phí,...)</i>	<i>Thủ tục</i>	68	Cấp huyện
6.5.2.	<i>Số TTHC đã được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến trên Cổng DVC quốc gia hoặc trên Cổng DVC của tỉnh.</i>	<i>Thủ tục</i>	68	Cấp huyện